

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

---

HÀ NỘI, THÁNG 08 NĂM 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 3, tòa nhà CEO, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-04) 3 7856 969 Fax: (84-04) 3 7856 888

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

**MỤC LỤC**

**NỘI DUNG**

**TRANG**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 33



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Tổng Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực dầu khí Việt Nam trình bày Báo cáo của Tổng Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011.

### Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực dầu khí Việt Nam (gọi tắt là 'Công ty') được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019968 ngày 04/10/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 05 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 500.000.000.000 đồng (*năm trăm tỷ đồng chẵn*).

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

### *Khái quát về công ty con:*

Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Nghiên cứu dầu khí Miền Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 số 0308362732 ngày 08/03/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính: 159A Nguyễn Xiển, phường Trường Thạnh, quận 9, TP Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

### *Các đơn vị trực thuộc của Công ty gồm:*

- Sàn giao dịch Bất động sản -Chi nhánh Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực dầu khí Việt Nam  
Địa chỉ: Lô 42, TT4, Khu đô thị Mỹ Đình Sông Đà, Từ Liêm, Hà Nội
- Ban quản lý Các dự án phía Nam  
Địa chỉ: Số 86A đường D5, phường 25, quận Bình Thạnh, tp Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực dầu khí tại Quỳnh Lưu  
Địa chỉ: Khối 1 - Thị trấn Cầu Giát - Quỳnh Lưu - Nghệ An
- Ban quản lý Dự án Nhơn Trạch - Đồng Nai  
Địa chỉ: Khu tái định cư xã Phước Khánh, ấp 2, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Ban quản lý Dự án Khu Công nghiệp Hưng Yên  
Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà CEO, đường Phạm Hùng, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội
- Ban quản lý Các dự án Tây Hà Nội - CV4  
Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà CEO, đường Phạm Hùng, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

### Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Kinh doanh bất động sản:
- + Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua;
- + Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua;
- + Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại;
- + Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng;

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**  
*(tiếp theo)*

- + Dịch vụ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê, thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để thuê lại;
- Ủy thác xuất nhập khẩu;
- Cung cấp vật tư cho các nhà máy;
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, thiết bị phục vụ cho ngành thép;
- Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản (chỉ hoạt động tại sàn bất động sản tạo Công ty); Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản (chỉ hoạt động theo chứng chỉ hành nghề của người đại diện theo pháp luật của Công ty); Dịch vụ tư vấn bất động sản;
- Khai thác chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Tổng thầu EPC, tổng thầu thi công xây lắp, trang trí nội thất và cung cấp lắp đặt thiết bị hệ thống kỹ thuật cho công trình dân dụng và công nghiệp, khu công nghiệp, đô thị, công trình giao thông thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến áp đến 500 KV, cung cấp vật tư cho các nhà máy điện;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị phục vụ cho các dự án đầu tư, công trình xây dựng, trang thiết bị nội, ngoại thất, cấp thoát nước, môi trường và hạ tầng kỹ thuật;
- Lập dự án, xây dựng các dự án nhà, khách sạn, văn phòng, trung tâm thương mại, siêu thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao; quản lý khai thác và kinh doanh các dịch vụ trong khu chung cư, khu đô thị, khu dân cư tập trung, bãi đỗ xe, khách sạn du lịch (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật và trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký;

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà CEO, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội  
Tel: (84-04) 3 7856 969 Fax: (84-04) 3 7856 888

**Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Văn Lai	Chủ tịch
Ông Hoàng Ngọc Sáu	Ủy viên
Bà Vũ Kiều Nga	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 16/06/2011)
Ông Trần Quang Nghị	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 21/09/2007, miễn nhiệm ngày 08/06/2011)
Ông Nguyễn Anh Quân	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 19/05/2011)
Ông Trần Việt Thành	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 18/06/20 (Bổ nhiệm 08/6/2011)
Ông Trần Đình Trụ	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2009, miễn nhiệm ngày 19/05/2011)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Hoàng Ngọc Sáu	Tổng giám đốc
Ông: Nguyễn Đình Trung	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 23/10/2007, miễn nhiệm 09/06/2011)
Ông: Đinh Ngọc Bình	Phó Tổng giám đốc
Ông: Chu Đức Lam	Phó Tổng giám đốc
Ông: Nguyễn Nam Sơn	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 26/07/2011)
Ông: Nguyễn Anh Quân	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 16/06/2011)
Ông : Chu Thanh Hải	Phó Tổng giám đốc

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**  
(tiếp theo)

**Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

**Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2011 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẮT ĐỘNG SẢN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

**Chu Thanh Hải**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy ủy quyền số 731UQ/PVL ngày 12/08/2011

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2011

Số : 658 -11/BC-TC/II-VAE

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2011

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 được lập tại ngày 15 tháng 08 năm 2011 của Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực dầu khí Việt nam (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 07 đến trang 33 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán viên.

Các khoản đầu tư dài hạn vào Công ty liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc do Công ty chưa thu thập được các Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty này.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoài ảnh hưởng của sự kiện nêu trên chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đây phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Một số chỉ tiêu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ đã được phân loại lại cho phù hợp với Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Chi tiết được trình bày tại mục 1.11. phần VIII của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực dầu khí Việt Nam giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



*(Handwritten signature in blue ink)*

**Trần Quốc Tuấn**  
 Tổng giám đốc  
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV  
 Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**Dương Thúy Anh**  
 Kiểm toán viên  
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1213/KTV

STT	Mã tài khoản	Tên tài khoản	Đơn vị tính	Giá trị	Giá trị
1		Tổng tài sản		129	129
2		Tổng nợ		129	129
3		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
4		Tổng tài sản		129	129
5		Tổng nợ		129	129
6		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
7		Tổng tài sản		129	129
8		Tổng nợ		129	129
9		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
10		Tổng tài sản		129	129
11		Tổng nợ		129	129
12		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
13		Tổng tài sản		129	129
14		Tổng nợ		129	129
15		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
16		Tổng tài sản		129	129
17		Tổng nợ		129	129
18		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
19		Tổng tài sản		129	129
20		Tổng nợ		129	129
21		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
22		Tổng tài sản		129	129
23		Tổng nợ		129	129
24		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
25		Tổng tài sản		129	129
26		Tổng nợ		129	129
27		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
28		Tổng tài sản		129	129
29		Tổng nợ		129	129
30		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
31		Tổng tài sản		129	129
32		Tổng nợ		129	129
33		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
34		Tổng tài sản		129	129
35		Tổng nợ		129	129
36		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
37		Tổng tài sản		129	129
38		Tổng nợ		129	129
39		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
40		Tổng tài sản		129	129
41		Tổng nợ		129	129
42		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
43		Tổng tài sản		129	129
44		Tổng nợ		129	129
45		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
46		Tổng tài sản		129	129
47		Tổng nợ		129	129
48		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
49		Tổng tài sản		129	129
50		Tổng nợ		129	129
51		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
52		Tổng tài sản		129	129
53		Tổng nợ		129	129
54		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
55		Tổng tài sản		129	129
56		Tổng nợ		129	129
57		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
58		Tổng tài sản		129	129
59		Tổng nợ		129	129
60		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
61		Tổng tài sản		129	129
62		Tổng nợ		129	129
63		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
64		Tổng tài sản		129	129
65		Tổng nợ		129	129
66		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
67		Tổng tài sản		129	129
68		Tổng nợ		129	129
69		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
70		Tổng tài sản		129	129
71		Tổng nợ		129	129
72		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
73		Tổng tài sản		129	129
74		Tổng nợ		129	129
75		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
76		Tổng tài sản		129	129
77		Tổng nợ		129	129
78		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
79		Tổng tài sản		129	129
80		Tổng nợ		129	129
81		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
82		Tổng tài sản		129	129
83		Tổng nợ		129	129
84		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
85		Tổng tài sản		129	129
86		Tổng nợ		129	129
87		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
88		Tổng tài sản		129	129
89		Tổng nợ		129	129
90		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
91		Tổng tài sản		129	129
92		Tổng nợ		129	129
93		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
94		Tổng tài sản		129	129
95		Tổng nợ		129	129
96		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
97		Tổng tài sản		129	129
98		Tổng nợ		129	129
99		Tổng vốn chủ sở hữu		129	129
100		Tổng tài sản		129	129

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>539.110.024.194</b>	<b>561.762.674.241</b>
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.006.147.100	71.397.705.129
1	Tiền	111	V.1.	8.006.147.100	71.397.705.129
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.690.000.000	19.240.000.000
1	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2.	13.690.000.000	19.240.000.000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		301.650.183.246	322.099.954.108
1	Phải thu của khách hàng	131	VIII.1.1	34.632.255.702	102.140.978.980
2	Trả trước cho người bán	132	VIII.1.2	237.343.612.602	224.142.865.065
5	Các khoản phải thu khác	135	V.3.	29.674.314.942	23.407.710.063
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	(27.591.600.000)
IV	Hàng tồn kho	140		155.707.758.119	77.247.824.650
1	Hàng tồn kho	141	V.4.	155.707.758.119	77.247.824.650
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		60.055.935.729	71.777.190.354
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		856.997.271	459.303.039
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		27.597.680.051	26.813.120.633
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		5.828.001.254	2.914.816.448
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.1.3	25.773.257.153	41.589.950.234
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>377.073.189.030</b>	<b>273.250.154.355</b>
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		43.629.095.303	103.792.970.303
4	Phải thu dài hạn khác	218		43.629.095.303	103.792.970.303
II	Tài sản cố định	220		142.597.086.453	46.060.907.365
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	30.911.418.635	31.404.065.607
-	- Nguyên giá	222		36.948.926.738	36.241.814.666
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.037.508.103)	(4.837.749.059)
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.6.	111.421.916.000	14.418.332.667
-	- Nguyên giá	228		111.435.166.000	14.420.166.000
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.250.000)	(1.833.333)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7.	263.751.818	238.509.091
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8.	137.801.894.057	106.600.000.000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		81.201.894.057	90.000.000.000
3	Đầu tư dài hạn khác	258		56.600.000.000	16.600.000.000
V	Lợi thế thương mại	260		18.156.875.000	-
VI	Tài sản dài hạn khác	270		34.888.238.217	16.796.276.687
1.	Chi phí trả trước dài hạn	271	V.9.	34.566.233.679	16.796.276.687
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.14.	322.004.538	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>		<b>270</b>		<b>916.183.213.224</b>	<b>835.012.828.596</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
<b>A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>361.194.068.320</b>	<b>291.011.961.716</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>281.024.992.128</b>	<b>240.978.748.716</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10.	148.085.069.361	115.382.206.575
2 Phải trả người bán	312	VIII.1.4	80.764.830.833	77.869.524.086
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.1.5	384.280.643	11.531.719.055
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11.	3.590.482.908	231.192.423
5 Phải trả người lao động	315		963.096.586	1.882.080.699
6 Chi phí phải trả	316	V.12.	36.145.700.076	1.756.324.442
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13.	11.089.881.721	30.585.095.580
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.650.000	1.740.605.856
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>80.169.076.192</b>	<b>50.033.213.000</b>
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
3 Phải trả dài hạn khác	333	VIII.1.6	64.000.000.000	50.000.000.000
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		33.213.000	33.213.000
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		16.135.863.192	-
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>554.989.144.904</b>	<b>544.000.866.880</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15.</b>	<b>554.989.144.904</b>	<b>544.000.866.880</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		7.305.508.346	7.305.508.346
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		5.143.351.855	5.143.351.855
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		42.540.284.703	31.552.006.679
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
3 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C Lợi ích cổ đông thiểu số</b>	<b>439</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>916.183.213.224</b>	<b>835.012.828.596</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc





Trần Thị Phương Nga

Đàm Văn Hiến

Chữ Thanh Hải

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16.	65.678.699.525	149.091.502.775
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.17.	65.678.699.525	149.091.502.775
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.18.	63.142.010.412	127.585.667.207
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.536.689.113	21.505.835.568
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19.	5.337.817.891	31.887.384.554
7 Chi phí tài chính	22	VI.20.	2.793.770.832	8.454.459.286
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.793.770.832	8.454.459.286
8 Chi phí bán hàng	24	VII.1.7	160.742.733	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.1.8	(3.058.997.486)	17.666.527.182
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		7.978.990.925	27.272.233.654
11 Thu nhập khác	31	VIII.1.9	3.258.260.757	9.044.724.815
12 Chi phí khác	32	VIII.1.10	-	8.225.166.272
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.258.260.757	819.558.543
14 Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45			
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		11.237.251.682	28.091.792.197
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.21.	570.978.196	8.094.719.572
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.21.	(322.004.538)	149.654.083
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		10.988.278.024	19.847.418.542
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		10.988.278.024	-
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.22.	220	397

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2011

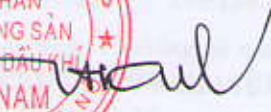
CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc



Trần Thị Phương Nga

Đàm Văn Hiến

Chu Thanh Hải

Mẫu số B 03a - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		99.580.789.269	45.954.560.653
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(170.658.114.886)	(40.398.655.676)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(8.190.640.572)	(6.018.586.551)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(11.049.682.619)	(5.842.563.527)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(3.492.658.514)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		100.709.743.794	116.837.585.545
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(107.884.917.178)	(72.886.334.930)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(100.985.480.706)</b>	<b>37.646.005.514</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.184.194.188)	(69.746.777.754)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(800.000.000)	(10.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6.600.000.000	105.170.612.619
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		275.254.079	1.884.098.158
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>4.891.059.891</b>	<b>27.307.933.023</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		53.005.813.621	42.750.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(20.302.950.835)	(41.919.977.848)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>32.702.862.786</b>	<b>830.022.152</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(63.391.558.029)</b>	<b>65.783.960.689</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>71.397.705.129</b>	<b>83.336.055.598</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.01</b>	<b>8.006.147.100</b>	<b>149.120.016.287</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc






Trần Thị Phương Nga

Đàm Văn Hiến

Chu Thanh Hải

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực dầu khí Việt Nam (gọi tắt là 'Công ty') được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019968 ngày 04/10/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 05 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 05 ngày 15/06/2011 thì vốn điều lệ của Công ty là **500.000.000.000 đồng (năm trăm tỷ đồng chẵn)**.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

**Khái quát về công ty con:**

Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Nghiên cứu dầu khí Miền Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 số 0308362732 ngày 08/03/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính: 159A Nguyễn Xiển, phường Trường Thạnh, quận 9, TP Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

**Các đơn vị trực thuộc của Công ty gồm:**

Sân giao dịch Bất động sản - Chi nhánh Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực dầu khí Việt Nam  
Địa chỉ: Lô 42, TT4, Khu đô thị Mỹ Đình Sông Đà, Từ Liêm, Hà Nội

Ban quản lý Các dự án phía Nam

Địa chỉ: Số 86A đường D5, phường 25, quận Bình Thạnh, tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực dầu khí Việt Nam tại Quỳnh Lưu

Địa chỉ: Khối 1 - Thị trấn Cầu Giát - Quỳnh Lưu - Nghệ An

Ban quản lý Dự án Nhơn Trạch - Đồng Nai

Địa chỉ: Khu tái định cư xã Phước Khánh, ấp 2, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Ban quản lý Dự án Khu Công nghiệp Hưng Yên

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà CEO, đường Phạm Hùng, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

Ban quản lý Các dự án Tây Hà Nội - CV4

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà CEO, đường Phạm Hùng, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực đầu tư bất động sản, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Kinh doanh bất động sản:

- + Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua;
- + Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua;
- + Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại;
- + Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

- + Dịch vụ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê, thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để thuê lại;
- Ủy thác xuất nhập khẩu;
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, thiết bị phục vụ cho ngành thép;
- Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản (chỉ hoạt động tại sản bất động sản tạo Công ty); Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản (chỉ hoạt động theo chứng chỉ hành nghề của người đại diện theo pháp luật của Công ty); Dịch vụ tư vấn bất động sản;
- Khai thác chế biến và kinh doanh khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Tổng thầu EPC, tổng thầu thi công xây lắp, trang trí nội thất và cung cấp lắp đặt thiết bị hệ thống kỹ thuật cho công trình dân dụng và công nghiệp, khu công nghiệp, đô thị, công trình giao thông thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến áp đến 500 KV, cung cấp vật tư cho các nhà máy điện;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị phục vụ cho các dự án đầu tư, công trình xây dựng, trang thiết bị nội, ngoại thất, cấp thoát nước, môi trường và hạ tầng kỹ thuật;
- Lập dự án, xây dựng các dự án nhà, khách sạn, văn phòng, trung tâm thương mại, siêu thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao; quản lý khai thác và kinh doanh các dịch vụ trong khu chung cư, khu đô thị, khu dân cư tập trung, bãi đỗ xe, khách sạn du lịch (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật và trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký;

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà CEO, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-04) 3 7856 969 Fax: (84-04) 3 7856 888

**4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Ngày 02/4/2010, Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực dầu khí Việt Nam và Công ty cổ phần Xây dựng Minh Ngân đã ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 66/2010/PVPL-MN về việc chuyển nhượng 12.120.000 cổ phần tại Công ty cổ phần Dịch vụ Xuyên Thái Bình Dương cho Công ty cổ phần Xây dựng Minh Ngân với tổng giá trị chuyển nhượng là: 191.972.000.000 đồng và đã được Công ty cổ phần Xây dựng Minh Ngân thanh toán cho PVPL 100 tỷ đồng, số tiền còn lại là: 91,972 tỷ đồng. Theo đó, ngày 13/4/2010, Công ty cổ phần Xây dựng Minh Ngân đã đứng tên sở hữu toàn bộ số lượng cổ phần nêu trên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100510043 (thay đổi lần 5) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp cho Công ty cổ phần Dịch vụ Xuyên Thái Bình Dương.

Số tiền còn lại 91,972 tỷ đồng đã được Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực dầu khí Việt Nam nhiều lần đòi nợ nhưng đều được phía Công ty cổ phần Xây dựng Minh Ngân khất nợ. Vì vậy, khoản nợ phải thu quá hạn này đã được Công ty trích lập dự phòng khoản phải thu quá hạn khó đòi vào chi phí năm 2010 với số tiền là 27,591 tỷ đồng tương ứng 30% giá trị khoản phải thu quá hạn khó đòi.

Ngày 31/5/2011 tại Trại tạm giam B14 Bộ Công an được sự chứng kiến của Cơ quan cảnh sát điều tra – Bộ Công an và Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực dầu khí Việt Nam và ông Lê Hòa Bình – Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Xây dựng Minh Ngân đã ký Văn bản “hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 66/2010/PVPL-MN”. Theo đó hai bên thống nhất như sau:

+) Hai bên thống nhất và xác định phần nghĩa vụ cơ bản của Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần 66/2010/PVPL-MN bị vi phạm dẫn đến hủy bỏ một phần tương ứng với phần nghĩa vụ Công ty Cổ phần Xây dựng Minh Ngân chưa thanh toán 91,972 tỷ đồng, tương đương 48% giá trị hợp đồng. Theo đó, quy đổi số tiền chưa thanh toán thành 5.817.600 cổ phần.

+) Hai bên thống nhất hủy bỏ một phần Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần 66/2010/PVPL-MN nêu trên. Theo đó, Công ty Cổ phần Xây dựng Minh Ngân hoàn trả lại cho PVPL và PVPL đồng ý nhận lại số cổ phần tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà Công ty Cổ phần Xây dựng Minh Ngân chưa thanh toán là: 5.817.600 cổ phần tương đương với giá trị là 91,972 tỷ đồng.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

+) Công ty Cổ phần Xây dựng Minh Ngân chấm dứt nghĩa vụ thanh toán 91,972 tỷ đồng đối với Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực dầu khí Việt Nam chấm dứt quyền yêu cầu thanh toán 91,972 tỷ đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần 66/2010/PVPL-MN.

Theo nội dung của Văn bản "hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 66/2010/PVPL-MN" thì Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực dầu khí Việt Nam đã chấm dứt quyền yêu cầu Công ty Cổ phần Xây dựng Minh Ngân thanh toán. Theo đó, Công ty đã thực hiện hoàn nhập khoản dự phòng phải thu quá hạn khó đòi là 27,591 tỷ đồng theo đó chỉ phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ được giảm đi một khoản tương ứng.

Cũng theo Văn bản trên hai bên thống nhất quy đổi số tiền chưa thanh toán là 91,972 tỷ đồng thành 5.817.600 cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuyên Thái Bình Dương. Theo đó Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực dầu khí Việt Nam sở hữu 24,24% số lượng cổ phần cam kết góp tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuyên Thái Bình Dương.

### II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

### III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán FMIS.

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bắt động sản điện lực dầu khí Việt Nam được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty và Công ty Cổ phần Nghiên cứu dầu khí Miền Nam mà Công ty nắm giữ trực tiếp 100% vốn cổ phần tại ngày 30/06/2011. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất, được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số". Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

Công ty chưa lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày mua đối với khoản đầu tư vào Công ty con vì vậy Lợi thế thương mại được tính tại ngày 30/06/2011 và được phân bổ trong 10 năm.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

**- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

*Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:* Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:* Phương pháp thực tế đích danh.

- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Phương pháp kê khai thường xuyên

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

**4.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**

*(tiếp theo)*

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/QĐ - BTC ngày 20/10/2009 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

**4.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất, phần mềm quản lý nhân sự và trang Web.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất dài hạn không trích khấu hao, phần mềm quản lý nhân sự trích khấu hao trong thời gian 05 năm và trang Web được khấu hao trong thời gian 03 năm.

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm các khoản tiền gửi, tiền cho vay có thời hạn thu hồi dưới một năm, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày cho vay.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua trái phiếu, cổ phiếu, hoặc ngày cho vay vốn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**

*(tiếp theo)*

Khoản đầu tư vào Công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Nghiên cứu dầu khí Miền Nam. Theo phụ lục hợp đồng số 01 ngày 17/06/2011, điều chỉnh hợp đồng số 0106/2011/PVPL-VPI ngày 06/01/2011, hai bên thống nhất chuyển nhượng 12.500.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Nghiên cứu dầu khí Miền Nam với giá trị chuyển nhượng sau điều chỉnh là 116.112.500.000 đồng.

Tại thời điểm 30/06/2011, Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực dầu khí Việt Nam sở hữu 12.500.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% số vốn thực góp của chủ sở hữu tại Công ty Cổ phần Nghiên cứu dầu khí Miền Nam.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết của Công ty bao gồm khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuyên Thái Bình Dương. Theo đó Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực dầu khí Việt Nam sở hữu 5.817.600 cổ phần (trong đó đã thực góp 1.315.908 cổ phần còn 4.051.692 cổ phần chưa thực góp) tương ứng với tỷ lệ 20,24% số vốn góp vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuyên Thái Bình Dương.

Tại thời điểm 30/06/2011 Công ty không trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

**6.1 Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 16 – Chi phí đi vay.

**6.2 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí:

Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng làm việc được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian thuê ghi trên hợp đồng.

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

**7. Nguyên tắc ghi nhận lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại được ghi nhận khi phát sinh chênh lệch giá phí khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết cao hơn giá trị hợp lý của khoản đầu tư đó. Lợi thế thương mại của Công ty là khoản chênh lệch giá phí khoản đầu tư vào công ty con và giá trị ghi sổ của Công ty con tại ngày 30/06/2011.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay, chi phí xây dựng công trình đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau, công trình đã phát sinh chi phí thực tế. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng kinh tế, khế ước vay và thời gian vay thực tế.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm phụ gia bê tông, xây lắp, doanh thu từ hoạt động cho thuê nhà, doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, thu cổ tức.

Doanh thu bán các sản phẩm phụ gia được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Do các hợp đồng xây dựng của Công ty quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng, Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực số 15 - "Hợp đồng xây dựng".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ hoạt động mua, bán chứng khoán được ghi nhận bằng số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**13.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng của bên bán.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

**13.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty bao gồm chi phí xây dựng dự án Quỳnh Lưu Plaza được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

**13.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

**13.4 Các nghĩa vụ về thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với các sản phẩm phụ gia, hoạt động cho thuê nhà, thuê phòng nghỉ và dịch vụ môi giới bất động sản.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

***Thuế khác***

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**13.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn xây lắp được ghi nhận theo giá trị chi phí xây dựng đã nghiệm thu bàn giao khối lượng phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ**

1. Tiền	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Tiền mặt</b>	<b>3.194.044.540</b>	<b>10.866.328.438</b>
Văn phòng Công ty	2.469.458.214	1.655.533.987
Sàn giao dịch Bất động sản	474.924.334	9.113.294.407
Ban quản lý Các dự án Tây Hà Nội CV4	4.576.727	9.679.117
Ban quản lý Dự án phía Nam	36.361.571	2.592.718
Chi nhánh Công ty tại Quỳnh Lưu	28.446.827	85.228.209
Ban quản lý Dự án Hưng Yên	140.588.795	-
Ban quản lý Dự án Nhơn Trạch - Đồng Nai	39.688.072	-
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>4.812.102.560</b>	<b>60.531.376.691</b>
Văn phòng Công ty	1.730.924.737	55.943.994.520
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Hoàng Mai	1.980.878	9.195.979
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	-	5.028.080
Ngân hàng TMCP Liên Việt	977.218.029	50.500.465.005
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	2.847.341	80.812.440
Ngân hàng NN & PTNT Bắc Hà Nội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	55.954.648	402.157.162
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Thăng Long	491.466.014	1.028.201.900
Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Cầu Giấy	201.457.827	3.918.133.954
Sàn giao dịch bất động sản	754.567.079	3.496.202.379
Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Hồ Chí Minh	3.251.900	1.075.752.015
Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	4.504.232	345.277.788
Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	742.058.647	959.955.669
Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	4.752.300	1.115.216.907
Ban quản lý Các dự án Tây Hà Nội CV4	158.737.906	561.323.152
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	158.737.906	561.323.152
Ban quản lý Dự án phía Nam	288.741.287	252.514.170
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Bình Thạnh	286.176.523	249.987.754
Ngân hàng TMCP Liên Việt	2.564.764	2.526.416
Chi nhánh Công ty tại Quỳnh Lưu	368.191.052	277.342.470
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An	368.191.052	277.342.470
Ban quản lý Dự án Hưng Yên	1.509.894.209	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	1.509.894.209	-
Ban quản lý Dự án Nhơn Trạch - Đồng Nai	1.046.290	-
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch	1.046.290	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.006.147.100</b>	<b>71.397.705.129</b>
<b>2. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	13.690.000.000	19.240.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	-	5.800.000.000
Cho ông Nguyễn Thế Giang vay	13.440.000.000	13.440.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

<i>Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Công thương - Chi nhánh Hoàng Mai</i>	250.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.690.000.000</b>	<b>19.240.000.000</b>
<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Văn phòng Công ty</i>	28.319.924.875	22.200.883.829
Ban chuẩn bị dự án Tây Hà Nội (tiền ủng hộ Rạp chiếu phim Kim Đồng)	8.392.860.000	15.819.520.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp dầu khí Việt Nam	9.106.055.529	-
<i>Tiền cổ tức phải thu</i>	3.851.186.936	-
<i>Lãi vay phục vụ triển khai Dự án Quận 2</i>	5.254.868.593	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hưng Thịnh Phát	1.695.171.813	-
Công ty TNHH Khang Trang	1.801.100.000	1.801.100.000
Nguyễn Thế Giang (lãi cho vay phải thu)	3.549.264.658	2.499.563.836
Các đối tượng khác	3.775.472.875	2.080.699.993
<i>Sàn giao dịch Bất động sản</i>	12.884.855	-
<i>Ban quản lý Dự án phía Nam</i>	1.235.950.686	1.206.826.234
Công ty TNHH Sản xuất thương mại xây dựng Tân Hải Minh	1.018.800.000	1.018.800.000
Các đối tượng khác	217.150.686	188.026.234
<i>Chi nhánh Công ty tại Quỳnh Lưu</i>	105.554.526	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>29.674.314.942</b>	<b>23.407.710.063</b>
<b>4. Hàng tồn kho</b>	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Nguyên liệu, vật liệu</i>	145.264.606	145.264.606
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang</i>	155.511.011.151	77.052.537.535
Công trình Chung cư B1 Trường Sa	-	74.655.525
Công trình trụ sở Ban điều hành dự án PIV phía Nam	715.148.234	895.148.234
Chi phí đầu tư xây dựng các dự án	154.795.862.917	76.082.733.776
<i>Khu đô thị Lê Minh Xuân, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh (*)</i>	84.852.990	84.852.990
<i>Dự án đường Lê Đức Thọ kéo dài (*)</i>	1.032.918.331	1.032.918.331
<i>Dự án Lai Thượng, Thạch Thất, Hà Nội (*)</i>	1.761.300.855	1.761.300.855
<i>Dự án Khu công nghiệp Khoái Châu, Hưng Yên</i>	3.672.505.207	695.263.636
<i>Dự án Nhơn Trạch, Đồng Nai</i>	9.625.339.888	4.621.245.259
<i>Dự án Khu đô thị Thủ Đức (*)</i>	880.992.762	880.992.762
<i>Dự án Linh Tây, Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh</i>	61.569.458.870	58.468.665.416
<i>Dự án Trung tâm thương mại dịch vụ văn hóa thể thao và văn phòng CV4</i>	8.481.820.253	6.488.778.243
<i>139 căn hộ chung cư thuộc dự án Petro Landmark</i>	3.413.018.373	-
Các dự án khác	4.109.780.388	2.048.716.284
<b>Hàng hoá</b>	<b>51.482.362</b>	<b>50.022.509</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>155.707.758.119</b>	<b>77.247.824.650</b>

(\*) Các công trình đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư trong kỳ chưa phát sinh thêm chi phí.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁT ĐỘNG SẢN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 3, tòa nhà CEO, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội  
 Tel: (84-04) 3 7856 969 Fax: (84-04) 3 7856 888

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011  
 (tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2011		29.257.964.788	1.149.588.662	4.696.887.248	1.137.373.968	36.241.814.666
Mua trong kỳ			411.313.889		295.798.183	707.112.072
Đầu tư XDCB hoàn thành						-
Tặng khác						-
Chuyển sang BDS đầu tư						-
Thanh lý, nhượng bán						-
Giảm khác						-
Số dư ngày 30/06/2011		29.257.964.788	1.560.902.551	4.696.887.248	1.433.172.151	36.948.926.738
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2011		2.461.837.244	340.457.747	1.551.120.784	484.333.284	4.837.749.059
Khấu hao trong kỳ		619.726.362	94.370.106	293.555.452	192.107.124	1.199.759.044
Chuyển sang BDS đầu tư						-
Thanh lý, nhượng bán						-
Giảm khác						-
Số dư ngày 30/06/2011		3.081.563.606	434.827.853	1.844.676.236	676.440.408	6.037.508.103
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2011		26.796.127.544	809.130.915	3.145.766.464	653.040.684	31.404.065.607
Tại ngày 30/06/2011		26.176.401.182	1.126.074.698	2.852.211.012	756.731.743	30.911.418.635

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 71.974.937 VND

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quân	Trang Web	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư ngày 01/01/2011	14.310.166.000	110.000.000	-	14.420.166.000
Mua trong kỳ	-	-	15.000.000	15.000.000
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	97.000.000.000	-	-	97.000.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2011	111.310.166.000	110.000.000	15.000.000	111.435.166.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư ngày 01/01/2011	-	1.833.333	-	1.833.333
Khấu hao trong kỳ	-	11.000.000	416.667	11.416.667
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2011	-	12.833.333	416.667	13.250.000
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư ngày 01/01/2011	14.310.166.000	108.166.667	-	14.418.332.667
Số dư ngày 30/06/2011	111.310.166.000	97.166.667	14.583.333	111.421.916.000

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất tại số 25,27 Chu Văn An, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh; Khu đất số 86A, khu D5, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh và khu đất tại Phường Trường Thạnh, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	263.751.818	238.509.091
Công trình Dự án Quỳnh Lưu Plaza	263.751.818	238.509.091
<b>Tổng cộng</b>	<b>263.751.818</b>	<b>238.509.091</b>

8. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2011		01/01/2011	
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Đầu tư vào Công ty liên kết		81.201.894.057		90.000.000.000
Công ty cổ phần Bắt động sản Dầu khí Việt Nam	-	-	9.000.000	90.000.000.000
Xây lắp dầu khí Việt Nam				
Công ty CP DV Xuyên Thái Bình Dương (*)	1.315.908	81.201.894.057	-	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

Góp vốn cổ phần		56.600.000.000		16.600.000.000
Cổ phần Đầu tư phát triển	1.500.000	15.000.000.000	1.500.000	15.000.000.000
Gia Phú				
Cổ phần Phong phú - Lăng Cô	160.000	1.600.000.000	160.000	1.600.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp dầu khí Việt Nam	4.000.000	40.000.000.000		

(\*) Trong giá phí khoản đầu tư có 68.042.814.057 đồng là chi phí để được quyền mua 5.817.600 cổ phần theo mệnh giá. Công ty đã thực góp 1.315.908 cổ phần còn 4.051.692 cổ phần chưa thực góp. Tổng số cổ phần sở hữu theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuyên Thái Bình Dương là 5.817.600 cổ phần tương đương 24,24% tổng số cổ phần do các cổ đông sáng lập nắm giữ. Theo tổng số vốn thực góp của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuyên Thái Bình Dương là 65.025.460.000 đồng tại ngày 30/06/2011 thì số cổ phần đã góp nêu trên tương ứng 20,24% vốn thực góp của Công ty CP Dịch vụ Xuyên Thái Bình Dương.

9. Chi phí trả trước dài hạn	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng	12.316.844.262	13.020.663.934
Phí sử dụng nhãn hiệu Tập đoàn dầu khí	-	916.666.667
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí cải tạo văn phòng	2.133.012.886	1.233.598.864
Chi phí môi giới bán căn hộ dự án Petro Landmart	2.696.645.173	-
Chi phí thiết kế dự án Petro Landmart	6.475.009.008	-
Chi phí lãi vay dự án Petro Landmart	10.808.880.098	1.625.347.222
Chi phí trả trước khác	135.842.252	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>34.566.233.679</b>	<b>16.796.276.687</b>
10. Vay và nợ ngắn hạn	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>148.085.069.361</b>	<b>115.382.206.575</b>
Ngân hàng TMCP Liên Việt	99.209.255.740	105.800.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế	7.226.461.163	9.232.206.575
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Hoàng Mai	40.728.226.932	-
Vay cá nhân	921.125.526	350.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>148.085.069.361</b>	<b>115.382.206.575</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2011	Số phải nộp	Số đã nộp	Đơn vị tính: VND 30/06/2011
Thuế GTGT đầu ra	49.914.771	3.591.770.207	126.001.866	3.515.683.112
Thuế GTGT đầu ra nộp hộ nhà thầu nước ngoài	-	136.659.732	136.659.732	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.906.320.936)	570.978.196	3.492.658.514	(5.828.001.254)
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ nhà thầu nước ngoài	-	129.826.745	129.826.745	-
Thuế thu nhập cá nhân	181.277.652	426.626.252	533.104.108	74.799.796
Các loại thuế khác	(8.495.512)	14.495.512	6.000.000	-
<b>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>	<b>2.914.816.448</b>			<b>5.828.001.254</b>
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>231.192.423</b>			<b>3.590.482.908</b>

**12. Chi phí phải trả**

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	3.047.583.581	1.681.977.778
Chi phí phải trả khác	45.543.199	74.346.664
Trích trước chi phí công trình B1 Trường Sa	33.052.573.296	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>36.145.700.076</b>	<b>1.756.324.442</b>

**13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
<i>Kinh phí công đoàn</i>	223.878.899	134.658.833
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	18.197.399	13.643.380
<i>Bảo hiểm y tế</i>	3.722.196	-
<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	22.965.222	-
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	10.821.118.005	30.436.793.367
Văn phòng Công ty	9.552.903.161	22.104.568.831
<i>Phải trả tiền cổ phần Công ty Cổ phần Bất động sản điện lực dầu khí Việt Nam - Phương Nam</i>	6.095.000.000	8.940.000.000
<i>Công ty Cổ phần Du lịch dầu khí Phương Đông</i>	429.173.730	429.173.730
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam</i>	-	10.000.000.000
<i>Dư có TK 1388</i>	2.220.022.521	2.111.347.917
<i>Các khoản phải trả khác</i>	808.706.910	624.047.184
Sản giao dịch bất động sản	1.187.518.040	8.332.224.536
Khách hàng nộp tiền Dự án PetroVietnam Lanmark	1.158.601.131	8.309.695.763
Các khoản phải trả khác	28.916.909	22.528.773
Ban quản lý Các dự án tây Hà Nội CV4		

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

Ban quản lý Dự án phía nam	71.047.004	-
Ban quản lý Dự án Hưng Yên	6.649.800	-
<b>Công ty Cổ phần Nghiên cứu dầu khí Miền Nam</b>	<b>3.000.000</b>	
Lê Danh Trung	3.000.000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.089.881.721</b>	<b>30.585.095.580</b>
<b>14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	322.004.538	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>322.004.538</b>	<b>-</b>

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận từ việc phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% trên số tiền được từ bán căn hộ chưa ghi nhận doanh thu phục vụ mục đích lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

**15. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2010	500.000.000.000	50.593.353.318	550.593.353.318
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	(8.315.926.741)	(8.315.926.741)
Giảm khác	-	(10.725.419.898)	(10.725.419.898)
Số dư tại ngày 31/12/2010	500.000.000.000	31.552.006.679	531.552.006.679
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	10.988.278.024	10.988.278.024
Tăng khác	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2011	500.000.000.000	42.540.284.703	542.540.284.703

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông khác	500.000.000.000	500.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>500.000.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	500.000.000.000	500.000.000.000
Vốn góp đầu năm	500.000.000.000	500.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	500.000.000.000	500.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	6.600.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

e) Các quỹ của công ty

	01/01/2011	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	30/06/2011
Quỹ đầu tư phát triển	7.305.508.346	-	-	7.305.508.346
Quỹ dự phòng tài chính	5.143.351.855	-	-	5.143.351.855
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.448.860.201</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12.448.860.201</b>

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ

16. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Doanh thu bán hàng	30.679.223.400	132.648.469.507
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.705.778.817	1.511.928.401
Doanh thu hợp đồng xây dựng	33.293.697.308	14.931.104.867
<b>Tổng cộng</b>	<b>65.678.699.525</b>	<b>149.091.502.775</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

17. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Doanh thu thuần bán hàng	30.679.223.400	132.648.469.507
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1.705.778.817	1.511.928.401
Doanh thu thuần từ hoạt động xây dựng	33.293.697.308	14.931.104.867
<b>Tổng cộng</b>	<b>65.678.699.525</b>	<b>149.091.502.775</b>
18. Giá vốn hàng bán	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	29.435.843.786	111.304.492.359
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	578.937.805	976.927.411
Giá vốn xây lắp	33.127.228.821	14.781.793.819
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	-	522.453.618
<b>Tổng cộng</b>	<b>63.142.010.412</b>	<b>127.585.667.207</b>
19. Doanh thu hoạt động tài chính	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.350.032.641	8.085.997.173
Lãi đầu tư cổ phiếu, chuyển nhượng cổ phần	-	23.801.387.381
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.851.186.936	-
Doanh thu tài chính khác	136.598.314	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.337.817.891</b>	<b>31.887.384.554</b>
20. Chi phí tài chính	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền vay	2.793.770.832	5.842.563.527
Chi phí tài chính khác	-	2.611.895.759
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.793.770.832</b>	<b>8.454.459.286</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

**21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	70.423.591.237	
Tổng thu nhập	74.274.778.173	
Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp-cổ tức	3.851.186.936	
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	62.078.901.491	
Lợi nhuận kế toán	8.344.689.746	
Chuyển lỗ	(7.348.795.113)	
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	995.894.633	
Lợi nhuận không chịu thuế	-	
Lợi nhuận chịu thuế 25%	995.894.633	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	248.973.658	8.094.719.572
+ Chi phí thuế cho hoạt động chịu thuế 25%	248.973.658	
Thuế thu nhập doanh nghiệp 2% tính trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	322.004.538	
Điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán Nhà nước	-	
Số thuế TNDN phải nộp kỳ hiện hành	570.978.196	

**22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc giảm lợi nhuận kế toán	10.988.278.024	19.847.418.542
+ Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.988.278.024	19.847.418.542
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	50.000.000	50.000.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	220	397

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ**

**23. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuyên Thái Bình Dương bằng công nợ không thông qua tiền	81.201.894.057	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

**VIII. Những thông tin khác**

**I. Những thông tin khác**

**1.1. Phải thu của khách hàng**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Văn phòng Công ty	34.546.349.702	102.120.509.981
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	209.999.998
Công ty Cổ phần Nhon Trạch 2	2.288.400.000	2.288.400.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Minh Ngân	-	91.972.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 16	8.772.190.080	3.675.672.000
Công ty Phát triển nhà Bình Thạnh	23.217.643.184	-
Đối tượng khác	268.116.438	3.974.437.983
Chi nhánh Công ty tại Quỳnh Lưu	85.906.000	20.468.999
<b>Tổng cộng</b>	<b>34.632.255.702</b>	<b>102.140.978.980</b>

**1.2. Trả trước cho người bán**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Văn phòng Công ty	232.300.758.901	221.324.195.164
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Việt Nam	4.795.561.869	5.683.780.881
Công ty Cổ phần Bất động sản Việt Nam	11.221.201.200	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Bất động sản Điện lực dầu khí Việt Nam	19.133.711.142	19.133.711.142
Công ty Cổ phần Xây lắp Vnland	1.534.605.100	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển công nghệ Việt Nam	1.103.616.375	1.476.588.975
Công ty TNHH Kiến trúc Jina	-	2.480.135.394
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nam Đô	-	1.750.000.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp Bất động sản Điện lực dầu khí Việt Nam - Xí nghiệp tư vấn xây dựng	2.347.350.629	1.847.350.629
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại dịch vụ Hưng Thịnh Phát	2.966.309.690	-
Giá trị thanh toán theo tiến độ hợp đồng mua căn hộ thuộc dự án Pentrol	188.315.625.109	188.257.819.876
Các đối tượng khác	882.777.787	694.808.267
Sàn giao dịch bất động sản	50.000.000	-
Ban quản lý Các dự án Tây Hà Nội CV4	-	10.341.000
Ban quản lý Dự án phía Nam	2.475.413.901	2.808.328.901
Chi nhánh Công ty tại Quỳnh Lưu	2.517.439.800	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>237.343.612.602</b>	<b>224.142.865.065</b>

**1.3. Tài sản ngắn hạn khác**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	25.743.384.425	41.580.077.506
Văn phòng Công ty	17.880.445.197	37.447.871.976
Phòng tài chính kế toán	291.000.000	272.000.000
Phòng tổ chức hành chính	3.475.232.993	3.477.852.962
Phòng Kinh tế kế hoạch	1.187.667.427	874.665.917
Phòng Đầu tư phát triển dự án	141.233.600	255.646.280
Ban chuẩn bị đầu tư dự án Hưng Yên	-	700.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

Ban chuẩn bị dự án Tây Hà Nội	4.465.193.207	4.643.193.207
Ban lãnh đạo Công ty	7.053.339.290	26.827.339.290
Đối tượng khác	1.266.778.680	397.174.320
Sàn giao dịch bất động sản	69.098.000	-
Ban quản lý Các dự án Tây Hà Nội CV4	1.267.555.971	-
Ban quản lý Dự án phía Nam	4.148.015.257	4.115.205.530
Chi nhánh Công ty tại Quỳnh Lưu	18.270.000	17.000.000
Ban quản lý Dự án Hưng Yên	2.360.000.000	-
<b>Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn</b>	<b>29.872.728</b>	<b>9.872.728</b>
Văn phòng Công ty	9.872.728	9.872.728
Ban quản lý Nhơn Trạch - Đồng Nai	20.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.773.257.153</b>	<b>41.589.950.234</b>
<b>1.4 Phải trả người bán</b>	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Văn phòng Công ty	80.381.388.909	77.574.736.027
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cát Tường	1.739.800.000	1.739.800.000
Viện Dầu khí Việt Nam	54.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp dầu khí Sài Gòn	4.735.382.254	45.463.609.186
Nguyễn Thanh Hà	-	20.000.000.000
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	13.473.299.447	7.013.896.394
Các đối tượng khác	6.432.907.208	3.357.430.447
Sàn giao dịch bất động sản	636.756	636.756
Ban quản lý Các dự án Tây Hà Nội CV4	107.605.400	102.881.300
Ban quản lý Dự án phía Nam	259.461.768	74.192.410
Chi nhánh Công ty tại Quỳnh Lưu	15.738.000	117.077.593
<b>Tổng cộng</b>	<b>80.764.830.833</b>	<b>77.869.524.086</b>
<b>1.5 Người mua trả tiền trước</b>	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Văn phòng Công ty	384.280.643	11.531.719.055
Công ty Phát triển nhà Bình Thạnh	-	11.405.423.855
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại dịch vụ Hưng Thịnh Phát	100.000.000	-
Khách hàng mua nhà dự án Linh Tây	107.984.805	-
Công ty Cổ phần Đầu tư công nghệ TECOM	126.295.200	126.295.200
Đối tượng khác	50.000.638	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>384.280.643</b>	<b>11.531.719.055</b>
<b>1.6 Phải trả dài hạn khác</b>	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Bất động sản xây lắp Dầu khí Việt Nam (*)	64.000.000.000	50.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>64.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

(\* Công ty Cổ phần Bát động sản xây lắp dầu khí Việt Nam góp vốn theo Hợp đồng số 98/HĐHT/PVL-PVCLand về việc hợp tác triển khai thực hiện dự án tại 159A Nguyễn Xiển, phường Trường Thạnh, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh trong Công ty Cổ phần Nghiên cứu dầu khí Miền Nam.

**1.7 Chi phí bán hàng**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Chi phí bằng tiền khác	160.742.733	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>160.742.733</b>	<b>-</b>

**1.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.072.165.453	
Chi phí vật liệu quản lý	667.621.010	
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.605.582.053	
Chi phí khấu hao TSCĐ	464.234.373	
Thuế, phí và lệ phí	7.000.000	
Chi phí dự phòng (*)	(27.591.600.000)	
Lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ	955.625.000	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.878.036.039	
Chi phí bằng tiền khác	13.882.338.586	
<b>Tổng cộng</b>	<b>(3.058.997.486)</b>	<b>17.666.527.182</b>

(\* Theo nội dung của Văn bản "hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 66/2010/PVPL-MN" thì Công ty Cổ phần Bát động sản Điện lực dầu khí Việt Nam đã chấm dứt quyền yêu cầu Công ty Cổ phần Xây dựng Minh Ngân thanh toán. Theo đó, Công ty đã thực hiện hoàn nhập khoản dự phòng phải thu quá hạn khó đòi là 27,591 tỷ đồng theo đó chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ được giảm đi một khoản tương ứng.

**1.9 Thu nhập khác**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	9.029.724.815
Công nợ không phải trả về chuyển nhượng cổ phần (*)	3.258.210.757	-
Thu nhập khác	50.000	15.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.258.260.757</b>	<b>9.044.724.815</b>

(\* Thực hiện Hợp đồng mua cổ phần của Công ty Cổ phần Nghiên cứu dầu khí Miền Nam từ năm 2009, nay xác định thanh lý với giá trị giảm hơn so với công nợ phải trả đã ghi nhận.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

**1.10 Chi phí khác**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	8.225.166.272
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>8.225.166.272</b>

**1.11 Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 và Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2010 của Công ty Cổ phần Bất động sản điện lực dầu khí Việt Nam được kiểm toán bởi Công ty Tư vấn kế toán và Kiểm toán Việt Nam. Một số chỉ tiêu so sánh trên Bảng cân đối kế toán của kỳ trước đã được điều chỉnh cho phù hợp với Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Số liệu điều chỉnh được thuyết minh chi tiết như sau:

**Số liệu trước điều chỉnh và sau điều chỉnh đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ**

Chỉ tiêu	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Chênh lệch
Trả trước cho người bán (a)	79.514.140.492	224.142.865.065	144.628.724.573
Các khoản phải thu khác (b)	21.296.362.146	23.407.710.063	2.111.347.917
Hàng tồn kho (c)	267.130.991.748	77.247.824.650	(189.883.167.098)
Phải thu dài hạn khác (d)	-	103.792.970.303	103.792.970.303
Đầu tư dài hạn khác (e)	76.763.875.000	16.600.000.000	(60.163.875.000)
Chi phí trả trước dài hạn (f)	15.170.929.465	16.796.276.687	1.625.347.222
Các khoản phải trả, phải nộp khác (g)	28.473.747.663	30.585.095.580	2.111.347.917

**Chi tiết các khoản tăng giảm như sau:**

- Khoản mục trả trước cho người bán tăng 144.628.724.573 đồng do:  
Giảm khoản mục hàng tồn kho, tăng khoản mục trả trước cho người bán 188.257.819.876 đồng do đây là khoản tiền trả cho người bán theo tiến độ hợp đồng mua nhà nên chưa đủ điều kiện để ghi nhận là hàng hóa bất động sản.  
Giảm khoản mục người mua trả tiền trước, tăng khoản mục phải thu dài hạn khác 43.629.095.303 đồng do đây là khoản tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đồng kiểm soát với Công ty Cổ phần Bất động sản xây lắp dầu khí Việt Nam để thực hiện Dự án PetroVietNam Landmark tại Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.
- Khoản mục "Các khoản phải thu khác" tăng 2.111.347.917 đồng do bù trừ công nợ không cùng đối tượng.
- Khoản mục "Hàng tồn kho" giảm 189.883.167.098 đồng do:  
Giảm khoản mục "Hàng tồn kho" 188.257.819.876 đồng do đây là khoản tiền trả cho người bán theo tiến độ hợp đồng mua nhà nên chưa đủ điều kiện để ghi nhận là hàng hóa bất động sản.  
Giảm khoản mục "Hàng tồn kho" 1.625.347.222 đồng khoản chi phí lãi vay phục vụ Dự án PetroVietNam Landmark
- Tăng khoản mục "Phải thu dài hạn khác" 103.792.970.303 đồng: do điều chỉnh khoản hợp tác đầu tư đang ghi nhận là tiền ứng trước sang chỉ tiêu phải thu dài hạn khác với giá trị 43.629.095.303 đồng; Khoản hợp tác đầu tư Dự án phường Linh Tây - Quận Thủ Đức - TP Hồ Chí Minh trên khoản mục đầu tư dài hạn khác sang chỉ tiêu phải thu dài hạn khác với giá trị 60.163.875.000 đồng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

- e. Khoản mục "Đầu tư dài hạn khác" giảm 60.163.875.000 đồng do đây là khoản vốn góp theo hợp đồng hợp tác đầu tư Dự án phường Linh Tây - Quận Thủ Đức - TP Hồ Chí Minh nên được phân loại trình bày sang khoản mục "Phải thu dài hạn khác".
- f. Khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" tăng 1.625.347.222 đồng là khoản chi phí lãi vay phục vụ Dự án PetroVietnam Landmark tại Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.
- g. Khoản mục "Các khoản phải trả khác" tăng 2.111.347.917 đồng do bù trừ công nợ không cùng đối tượng.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Người lập



Trần Thị Phương Nga

Kế toán trưởng



Đàm Văn Hiến

Phó Tổng Giám đốc



Chu Thanh Hải